

KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN VÀ BẤY THU NHẬP TRUNG BÌNH

HỒ SĨ QUÝ (*)

LTS: Những năm 1960, gần như cả châu Á chìm trong nghèo đói và chậm phát triển. Nhưng chỉ hơn 20 năm sau, nghĩa là chỉ sau khoảng thời gian không dài của thế kỷ XX bộn bề các sự kiện nóng bỏng, thế giới phải “giật mình” khi 4 con rồng châu Á xuất hiện. Đến cuối thế kỷ, “châu Á phục hưng” đã trở thành thuật ngữ quen thuộc với nhiều diễn đàn và các nhà nghiên cứu đã không ngần ngại dự báo những con hổ, hoặc những con hổ trẻ... sẽ tiếp tục xuất hiện. Tâm lý khát khao cháy bỏng vươn tới thịnh vượng, hay nói thực tế hơn, “con khát phát triển” đã có mặt ở nhiều nước châu Á, trong đó có Việt Nam.

Đó là một nội dung chính của bài viết. Từ góc độ văn hóa và con người, tác giả phân tích mặt tích cực và chỉ ra một số tiêu cực của cơn khát phát triển.

Ở một nội dung chính khác, bài viết lý giải tại sao một số quốc gia đã từng có thời kỳ tăng trưởng nhanh, đã từng được kỳ vọng như Peru ở Mỹ Latinh hay Indonesia, Malaysia ở Đông Nam Á..., song đến nay vẫn không hoặc chưa “hóa rồng”. Theo tác giả, bẫy thu nhập trung bình, là rào cản đáng sợ nhất ngăn trở bước nhảy vọt của các khát vọng phát triển.

Bài viết dẫn ra quan niệm của của Kenichi Ohno, Viện Nghiên cứu chính sách Quốc gia Tokyo và của Homi Kharas, chuyên gia kinh tế trưởng của Ngân hàng thế giới để làm rõ bẫy thu nhập trung bình là gì. Theo tác giả, sự ngộ nhận về khả năng đáp ứng yêu cầu cao và rất cao về trình độ chuyên môn hóa của nền kinh tế, trình độ nguồn nhân lực bản địa và trình độ quản lý vĩ mô chính là bẫy thu nhập trung bình ngăn cản sự hóa rồng của nền kinh tế: tưởng là đã đáp ứng được các nhu cầu để tiếp tục phát triển, nhưng hóa ra thế vẫn chưa đủ để “cất cánh”; không còn quá nghèo để phải dồn mọi nguồn lực cho tăng trưởng, song lại chưa đủ giàu về hạ tầng kinh tế - xã hội, về các nguồn lực nội sinh cho “bước nhảy sinh mệnh” của đất nước. Thật đáng ngại nếu hình dung nền kinh tế mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình 20 năm, 50 năm hay 100 năm.

Bài viết có các tiểu mục: 1/ Bài học kinh nghiệm “hóa rồng”, 2/ Khát vọng phát triển, 3/ “Đi tắt đón đầu” hay là “nóng vội”, “đốt cháy giai đoạn”, 4/ Bẫy thu nhập trung bình.

Xin giới thiệu cùng bạn đọc.

(*) GS., TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội. www.hosiquy.com, Hosiquy@fpt.vn.

I. Bài học kinh nghiệm “hóa rồng”

1. Những đặc điểm về văn hóa và con người của các nước Đông Á mà nhờ biết sử dụng chúng, một số nước này đã thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình để trở thành “Rồng”, có thể nói về căn bản, người ta đã xác định được. Nói chính xác hơn, vấn đề truy tìm nguyên nhân thuộc về nhân tố văn hóa và con người khiến Hàn Quốc, Đài Loan, Hongkong và Singapore sau một thời gian ngắn trở thành những “con rồng”^(*), về đại thể, đã được giới học thuật và các nhà hoạt động chính trị - xã hội đưa ra cách giải thích tương đối hợp lý. Dẫu không thuyết phục được tất cả, nhưng trên thực tế, đại đa số đã thừa nhận: chính những nét ưu trội của văn hóa truyền thống, mặt tích cực trong tính cách cộng đồng, cùng với phương thức hợp lý trong quản lý nguồn nhân lực... đã là những nguyên nhân, bên cạnh hoặc đằng sau các nguyên nhân khác (chẳng hạn, về dòng chu chuyển vốn, về lợi thế xuất khẩu, hay về hoàn cảnh địa chính trị...) làm cho Đông Á trỗi dậy mạnh mẽ ở những thập niên 60-80 (thế kỷ XX), rút ngắn quá trình công nghiệp hóa từ vài trăm năm, nếu tuân tự phải trải qua mọi chặng của lịch sử công nghiệp hóa như ở châu Âu, xuống còn vài chục năm, trở thành các thực thể công nghiệp hóa mới (NICs - Newly Industrialized Countries, NIEs - Newly Industrialized Economies. Xem: 8, 19, 5, 2, 20, 13).

2. Có rất nhiều thứ thuộc văn hóa và con người Đông Á được coi là kinh nghiệm đáng giá cho những nước đi sau nhắm đến mục tiêu làm cho nền kinh tế “cất cánh”, thúc đẩy xã hội phát triển. Nhưng chung quy lại, những kinh nghiệm liên quan trực tiếp đến việc

khai thác đặc điểm con người và văn hóa Đông Á được nhắc nhiều trong các tài liệu lâu nay vẫn là:

- *Đề cao văn hóa truyền thống, biết khai thác sức mạnh của giá trị truyền thống, đặc biệt truyền thống văn hóa Nho giáo với các giá trị đã được thử thách qua thời gian.*

Quan điểm xuất phát: “Dùng quá khứ phục vụ hiện tại” (Peter Nolan. Xem 15). Trong xã hội hiện đại, giá trị truyền thống có thể “lột xác” thành sức mạnh mới. Hiếu học, Cần cù, Yêu lao động, Cộng đồng và Trách nhiệm xã hội... là những giá trị không bao giờ cũ.

- *Đề cao trách nhiệm xã hội, đồng thuận xã hội, và liên kết xã hội tạo ra ý chí phát triển mạnh mẽ.*

Quan điểm xuất phát: “Không phải mọi hình thức dân chủ đều có hiệu quả. Tự do dân chủ phải đi đôi với trách nhiệm dân chủ” (Mahathir Mohamad. Xem: 14).

- *Chú trọng khai thác và giải phóng nội lực, sử dụng nguồn lực có hiệu quả, đặc biệt nguồn lực con người, vốn con người, vốn xã hội.*

Quan điểm xuất phát: Con người là trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội. Không nhất thiết phải có nguồn lực tự nhiên giàu có, trong xã hội hiện đại, con người của mỗi quốc gia là của cải đích thực, là nguồn lực quan trọng và quyết định của quốc gia đó (HDR 1990. Xem: 21).

- *Chú trọng giáo dục, coi giáo dục là nền tảng và là phương thức tạo ra nguồn lực phát triển, tạo ra của cải xã hội.*

Quan điểm xuất phát: Giáo dục và đào tạo là chìa khóa của sự phát triển (Xem: 6).

- *Quản lý vĩ mô linh hoạt, có tầm nhìn dài hạn. Không bị mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình.*

(*) Hoặc “hổ”, tùy theo cách gọi không thật chặt chẽ trong các văn cảnh (Xem: 18).

Quan điểm xuất phát: “Thiện chí thử nghiệm và thay đổi chính sách trong những điều kiện thay đổi liên tục là yếu tố chính dẫn đến thành công” (WB. Xem: 7, tr. 2).

3. Đối với các chính phủ, các chính khách chịu trách nhiệm quản lý vĩ mô và những nhà hoạch định chính sách xã hội thì việc tìm được những bài học kinh nghiệm vừa nêu, trong phạm vi của việc tìm kiếm những kinh nghiệm chung nhất về nhân tố văn hóa và con người ở Đông Á, có thể nói là rất cơ bản. Trên thực tế, hầu hết những nghiên cứu chuyên sâu, những công trình, bài báo phân tích chi tiết, thường chỉ là những mô tả, minh chứng hoặc đánh giá thêm cho cận kề về những bài học đó. Vấn đề còn lại là *liệu có thể ứng dụng và ứng dụng như thế nào* những bài học kinh nghiệm ấy cho phù hợp với điều kiện của từng quốc gia.

II. Khát vọng phát triển

1. Bắt đầu từ đầu những năm 90 (thế kỷ XX) đa số các nước đi sau, nhất là những quốc gia ở châu Á, đều không khỏi “giật mình” vì lịch sử “hóa rồng” ấn tượng của các nước công nghiệp hóa mới. Trước sức ép của nhu cầu phát triển, việc ứng dụng những bài học kinh nghiệm để đẩy nhanh sự phát triển đã gieo vào ý thức cộng đồng ở nhiều quốc gia “giấc mơ hóa rồng”. Cùng với điều đó, dư luận quốc tế lại liên tục làm đậm thêm giấc mơ bằng cách dự báo một vài quốc gia sẽ (hoặc chắc chắn sẽ) trở thành “con hổ” nay mai. Tâm thế phát triển (Psychosphere for Development) dần dần được hình thành và ngày càng được kích thích. Thế nhưng đến nay, tất cả những nước đã từng được dự báo hóa rồng, hóa hổ đều vẫn chưa vượt qua được cạm bẫy thu nhập trung bình và khả năng để trở thành những nước công nghiệp mới vẫn còn khá xa.

2. Bước sang thế kỷ XXI, nếu phải nói đến đặc điểm của con người và văn hóa Đông Á, thì ở tâm vĩ mô, một trong các đặc điểm dễ thấy vẫn là tâm thế khát khao cháy bỏng vươn tới thịnh vượng. Gọi cho đúng tính chất của tâm thế này là “Cơn khát phát triển” hay “Khát vọng phát triển”.

Như một số tác giả phương Tây đã nhận xét, ở Đông Á và Đông Nam Á, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, từ tổng thống đến những người dân thường, từ các chính khách đến giới trí thức, gần như tất cả đều có thái độ quan tâm đáng kể đến sự phát triển xã hội; có thể bắt gặp khá thường nhật những người luôn trăn trở và hình dung về một viễn cảnh nền kinh tế sẽ giàu có, đất nước sẽ phồn vinh, thịnh vượng. Nét tâm lý này không có hoặc nếu có thì cũng không hề giản đơn ở nhiều nước châu Âu. Còn ở Đông Á và Đông Nam Á, kể cả nước đã hóa rồng là Hàn Quốc, hay các nước đang phát triển như Malaysia, Thailand, Indonesia, Trung Quốc, Việt Nam..., mức độ có khác nhau, tính thực tế cũng khác nhau, nhưng khắp nơi đều hiện rõ một tâm thế phát triển khá nóng. Riêng Trung Quốc, bên trong cơn khát phát triển còn là khát vọng nước lớn, khát vọng phục hưng dân tộc Trung Hoa - khát vọng của “Con sư tử châu Á đã tỉnh ngủ” (Napoleon nói về Trung Quốc, 1816. Xem thêm: 22).

3. Đó là một thực tế có thể đo được bằng các chứng cứ, chỉ báo, chỉ số. Ở đây, “bóng ma ám ảnh” chính là sự tương đương về các nguồn lực tiềm năng, trong đó có vốn văn hóa truyền thống mà 4 con rồng châu Á đã từng sử dụng. Vấn đề là ở chỗ, đối chiếu với vốn văn hóa mà Hàn quốc, Đài Loan, Hongkong và Singapore đã từng sử dụng để hóa rồng, thì một ở số quốc gia

khác, những thứ được gọi là vốn văn hóa ấy, chẳng những không thiếu, mà đôi khi còn trội hơn.

Văn hóa Nho giáo, trên thực tế, không đâu mạnh hơn ở Trung Quốc đại lục. Việt Nam cũng là mảnh đất thấm đậm văn hóa Nho giáo. Ở Malaysia, văn hóa Nho giáo cũng khá rõ nét. Thế nhưng, cho tới nay tính tích cực của loại hình văn hóa này gần như chưa thấy phát huy tác dụng trong việc đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam và Malaysia. Ấy là chưa kể có quan điểm vẫn thường coi Nho giáo từ hàng trăm năm nay là một rào cản, kìm hãm khoa học kỹ thuật, ngăn trở phát triển thương mại, hạn chế đổi mới sáng tạo, làm thui chột tự do cá nhân, kéo lùi tiến bộ xã hội.

Về nguồn lực con người, nguồn lực xã hội và ý chí chính trị, xét ở tiềm năng, cũng rất khó khăn định Hàn quốc, Đài Loan, Hongkong và Singapore có gì ưu thế đến mức các nước khác không thể so bì. Đặc biệt là trong tính cách con người, những phẩm chất như cần cù, hiếu học, khả năng thông minh - năng động, mức độ trách nhiệm cộng đồng... ở phạm vi cộng đồng hay quốc gia, khó có thể khẳng định một cách giản đơn sự hơn kém về giá trị. Ấy là chưa so sánh đến những cá nhân cụ thể với các phẩm chất riêng phong phú và đa dạng của họ. Dễ dàng tìm thấy những chính khách, những nhà hoạt động xã hội, trí thức... ở các nước nghèo vẫn được đánh giá cao về năng lực mà nếu phải so với những người có cùng trọng trách ở 4 con rồng thì những cá nhân đó cũng chẳng hề thua kém.

Dĩ nhiên, điều nói trên không có gì lạ. Nhưng cái đáng quan tâm là ở chỗ, từ khi các nhà lý luận giải thích sự xuất hiện của mấy con rồng bằng các nguyên nhân văn hóa và con người, tức là những nguyên nhân gắn liền với *tính cách dân*

tộc, thì tại những vùng văn hóa tương tự đã nảy sinh tâm lý so sánh và do vậy, bức tranh tương đương của những dân tộc “đồng chủng, đồng văn” (thuật ngữ được sử dụng nhiều hồi đầu thế kỷ XX), có nhiều nét tương đồng về tính cách, nội lực và vốn văn hóa đã trở thành cơ sở khách quan để “giấc mơ hóa rồng” biến thành “con khát phát triển” ở các nước đi sau.

4. Bước sang thế kỷ XXI, khát vọng phát triển càng ngày càng trở thành “sức ép” đối với các chính phủ và những người chịu trách nhiệm vĩ mô. Dư luận xã hội thường đặt ra câu hỏi: Tại sao một quốc gia có dân chúng được tiếng là thông minh, cần cù, hiếu học..., nhiều cá nhân có ý chí chính trị mạnh mẽ, có tâm thế phát triển sáng suốt, có trách nhiệm xã hội cao..., nền văn hóa có nhiều phẩm chất tốt đẹp, tính cách dân tộc có lợi thế phù hợp với xu thế phát triển... mà đất nước vẫn còn kẹt lại ở nhiều vấn đề, chưa vượt qua được cái bẫy của sự thu nhập trung bình, chưa phát triển được như tiềm năng.

Công bằng mà nói, câu hỏi đặt ra ở đây cũng chẳng có gì là mới và thực ra cũng chẳng có gì đến nỗi khó chấp nhận. So sánh với bên ngoài để nhận diện rõ hơn nội tình, xưa nay ở đâu cũng có và bản thân việc so sánh này cũng đã ít nhiều chứa đựng một phần câu trả lời. Nhưng trong khuôn khổ của vấn đề đang bàn, chúng tôi muốn nói rằng, ẩn giấu bên trong sự so sánh với các nước NICs Đông Á, là khát vọng cháy bỏng vươn tới thịnh vượng của người dân vùng địa văn hóa này, một *khát vọng có thể sánh ngang với khát vọng giải phóng khỏi chế độ thực dân của các nước thuộc địa hồi đầu thế kỷ XX*.

5. Với Việt Nam, như chúng tôi đã có bàn đến trong một bài viết khác (Xem: 18), giấc mơ “hóa rồng” còn ám ảnh hơn so với bất cứ một nước đang phát triển

nào khác. Về vốn văn hóa, cho đến tận hôm nay Việt Nam cũng không phải là một xã hội quá xa lạ, hoặc quá khác biệt với Hàn Quốc hoặc Đài Loan. Trong vành đai văn hóa Nho giáo, Nho giáo ở Việt Nam là thứ văn hóa được hình thành và tiếp thu được cái hay từ Tống Nho, không “ngu trung”, không cứng nhắc, không giáo điều như Nho giáo Trung Hoa trước đó. Ấy là chưa kể đến Việt Nho, nếu có^(*), một thứ Nho giáo mà một số nhà nghiên cứu coi là Nho giáo nguyên thủy, có cội nguồn bản địa, mang đặc thù của Việt Nam. Về vốn con người, vốn xã hội, phẩm cách người cầm quyền và ý chí phát triển, xét ở tiềm năng, cũng khó nói Việt Nam có gì thua kém hay thiếu hụt những yếu tố tích cực cần thiết, mà Hàn Quốc và Đài Loan đã từng sử dụng trong giai đoạn 1960-1990. Mấy chục năm gần đây, cùng với nhân tố văn hóa, các nhân tố khác liên quan đến tâm lý của một dân tộc đã chiến thắng trong cuộc chiến chống Mỹ, đã từng duy trì được nền kinh tế tăng trưởng cao trong hơn một thập niên, đã từng hội nhập thành công... lại càng thôi thúc thêm khát vọng “hóa rồng” ở Việt Nam. Khi đặt mình trong tương quan với một số nước trong khu vực, người Việt vẫn không giấu nổi tâm trạng, mới rất gần đây, so với Seoul, Bangkok hoặc Manila, thì Sài Gòn chẳng những không nghèo, mà ngược lại, còn là thành phố phồn vinh hơn.

III. “Đi tắt đón đầu” hay là “nóng vội”, “đốt cháy giai đoạn”

1. Tâm lý khát khao vươn tới thịnh vượng của người Đông Á, trước hết là nhu cầu tự thân, nhu cầu bên trong của một vùng địa văn hóa có nội lực và đã từng có một thời huy hoàng thấy cần

phải được phục hưng, cần phải được giải phóng khỏi những “may rủi” ngẫu nhiên (hay tất yếu) của lịch sử. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là tâm lý ấy cũng còn được cháy bỏng thêm do dư luận của cộng đồng thế giới, được một số học giả bên ngoài, chủ yếu là phương Tây, liên tục bàn luận theo cách nhìn “Orientalism”^(*) về phương Đông.

Dễ thấy là, khi chứng kiến sự trỗi dậy của Đông Á làm biến đổi đáng kể môi trường địa chính trị thế giới, nhiều nhà nghiên cứu phương Tây đã không tiếc lời ca ngợi văn hóa Đông Á, văn hóa phương Đông, và làm cho không ít người tin rằng, đã tới thời “Phục hưng” của phương Đông và “một kỷ nguyên châu Á” (cũng là buổi “hoàng hôn” của Mỹ và phương Tây) đã bắt đầu (Xem: 17). Về phương diện văn hóa và con người, hơn lúc nào hết, những đặc điểm của phương Đông được liên tục bàn luận và nhấn mạnh như là một thứ văn minh - văn hóa cao hơn: phương Tây thiên về kiểu *tư duy triết học*, phương Đông thiên về kiểu *tư duy minh triết* (Wisdom, Мудрость. Xem: 11, 10); ở phương Đông, con người và vũ trụ gắn kết với nhau trong thể thống nhất *Thiên - Địa - Nhân*, con người là một tiểu vũ trụ; con người hòa hợp với tự nhiên, còn ở phương Tây, con người chỉ biết chinh phục tự nhiên; Con người phương Tây là *con người cá nhân, cá thể, cá tính*, con người ở phương Đông là *con người cộng đồng, con người của trách nhiệm xã hội*... Về phương diện chính trị - xã hội, không ít tác giả nghiêng về nhận định: Quyền lực thế giới đang dịch chuyển từ Tây sang Đông; “Điều thần kỳ châu Á” đã xuất hiện và chủ nghĩa tư bản châu Á sẽ

^(*) Kim Định (1915-1997), là học giả đầu tiên cho rằng, Nho giáo có nguồn gốc Việt, Trung Quốc chỉ “là chủ của Nho giáo từ đời Tần Hán” (Xem: 3).

^(*) Một số tài liệu dịch là “Phương Đông học”, “Chủ nghĩa Đông tiến” - khái niệm có nội hàm là phương Đông và văn hoá phương Đông, nhưng theo cách nhìn của các học giả phương Tây.

năng động hơn, châu Á sẽ đi đầu thế giới trong lĩnh vực phát minh, sáng chế; Ở châu Á, ngay cả chế độ chuyên quyền cũng được coi là một giá trị, một ưu thế; Và Mỹ đang mất dần ảnh hưởng ở châu Á... Cụ thể hơn, một số nhà nghiên cứu còn gọi những nước châu Á mới nổi như Indonesia, Malaysia, Philippines, Thailand và đôi khi cả Trung Quốc là “hổ” trong sự phân biệt (không thật chặt chẽ) với những “con rồng” đã được khẳng định từ trước (NICs/NIEs). Việt Nam cũng đã từng được gọi là “con hổ trẻ” (Young tiger. Xem: 1) và cũng không ít lần được dự báo là con hổ của tương lai. Cách nói bóng bẩy “Sự thần kỳ Đông Á” nếu trước kia chỉ dùng để nói về những nước công nghiệp hóa mới, thì lâu nay lại thường dùng để gọi chung cho hiện tượng phát triển nhanh ở cả các nước NICs và cả các nước có tốc độ tăng trưởng cao ở khu vực này.

2. Dù những nhận định học thuật nói trên có chứa đựng bao nhiêu phần trăm sự thật đi nữa, thì với những người ít chuyên sâu về văn hóa phương Tây, những nhận định đó cũng dễ gây ngộ nhận. Sự thực là không ít người ở một vài nước châu Á trong đó có Việt Nam đã và vẫn đang định ninh rằng, sở dĩ các học giả phương Tây từ lâu đã có xu hướng “quay về” với phương Đông là bởi vì họ đang lệch lạc, cực đoan hay có gì đó thấp kém so với phương Đông, nơi có nhiều giá trị tinh thần cao hơn, sâu sắc hơn, ưu việt hơn... Người ta quên mất hay không hiểu rằng, khi những người châu Âu theo Orientalism “quay về” với phương Đông, là khi họ đã được trang bị đầy đủ đến mức chán ngắt chủ nghĩa duy lý và các khuôn thước kinh điển châu Âu. Dễ hiểu tại sao lại có nhiều người, nhất là vào giai đoạn trước khủng hoảng tài chính năm 2008, lại lạc quan, ảo tưởng về sự phát triển của

châu Á đến thế. Với quan niệm coi “đuổi kịp rồi vượt lên” là lộ trình đương nhiên, nên phương thức “đi tắt đón đầu”, hệ quả của điều đó, đã trở thành tâm lý phổ biến chi phối nhiều hoạt động. Tất nhiên, cũng đã có những thành công đáng kể trong hoạt động kinh tế, tiếp thu khoa học, chuyển giao công nghệ khi biết đi tắt đón đầu hợp lý. Nhưng tâm lý “nóng vội”, “đốt cháy giai đoạn” cũng đã hình thành, đặc biệt trong kinh doanh, đầu tư, làm ăn kinh tế... Tâm lý ấy in dấu ấn không khó nhận ra không chỉ ở các nhà doanh nghiệp lớn và nhỏ, hay những người lao động cao cấp và bình thường, mà thậm chí còn cả ở một số nhà quản lý ở tầm vĩ mô. Sự thành công hay thất bại của những người đầu cơ trong lĩnh vực thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán, hay đơn giản hơn trong các “phi vụ môi giới”... là chất men kích thích và nuôi dưỡng tâm lý này. Tưởng rằng, với tốc độ tăng trưởng 8-9% năm, chẳng mấy chốc đất nước sẽ hóa rồng, tưởng rằng với nền kinh tế chuyển đổi năng động, chẳng mấy chốc nhiều người sẽ giàu có, “thay vì khích lệ người dân cần kiệm đầu tư với tầm nhìn dài hạn và trách nhiệm với tương lai, chúng ta lại tạo nên cơ chế để mọi người ảo tưởng với những cơ hội chụp giật ngắn hạn, hoang phí trong tiêu dùng, phô trương trong hình thức” (12). Một vài bài báo đã chỉ ra tính nguy hiểm của căn bệnh muốn làm giàu một cách mau chóng, muốn tăng trưởng một cách đột biến, muốn phát triển theo cách đi tắt. Rất tiếc lại thật hiếm hoi những bài báo, những chỉ dẫn, những phân tích triết lý chỉ ra vai trò và giá trị của sự căn cơ, tích lũy, làm ăn bài bản, trung thực... để sinh lời.

3. Nếu như ở châu Âu, chủ nghĩa tư bản sở dĩ có thể hình thành và phát triển được là do nền đạo đức xã hội biết

chú trọng đến “tính sinh lợi” chứ không phải “lợi nhuận”, thì ở phương Đông, *lợi nhuận* chứ không phải *tính sinh lợi*, đúng như sự phân tích gần 100 năm trước của Max Weber (Xem: 24), đã không được khống chế một cách duy lý, trở thành cạm bẫy ngăn cản lịch sử tiến bộ. Hiện nay, lợi nhuận cũng vẫn đang là cạm bẫy khi nó lộng hành đến mức là cái duy nhất đóng vai trò động lực cho nhiều hoạt động ở Việt Nam, thậm chí kể cả trong giáo dục. Trên thực tế, tính sinh lợi, cái có thể tạo ra lợi nhuận bền vững, không được quan tâm như nó đáng phải quan tâm. Lợi nhuận và lợi nhuận tức thì, lợi nhuận với khối lượng lớn, lợi nhuận cả trong các hoạt động ngoài kinh tế... lại là cái được chú trọng, chú trọng quá mức. Dư luận xã hội đã bóng gió nói đến các nhóm lợi ích; lợi nhuận cục bộ của các nhóm lợi ích đôi khi đã làm thay đổi các mục tiêu tốt đẹp, làm méo mó các hoạt động kinh tế - xã hội.

4. Thực tế là cơn khát phát triển đã góp phần làm nảy sinh và duy trì những hiện tượng tiêu cực, những điều bất bình thường trong các hoạt động kinh tế - xã hội ở thời toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa một mặt mở ra cho châu Á những cơ hội có một không hai, nhưng mặt khác, cũng lại là mảnh đất tốt để những mặt trái, những cạm bẫy của nền kinh tế thế giới xuất hiện nhanh hơn ở châu Á. Trước sự thâm nhập ồ ạt của toàn cầu hóa, những giá trị tốt đẹp của văn hóa phương Đông hóa ra cũng không đủ sức để đề kháng trước các hiện tượng tiêu cực. Điều này, khác với Tây Âu; có nhiều hiện tượng tiêu cực của toàn cầu hóa, Mỹ hóa hay phương Tây hóa không thể thâm nhập được vào vùng văn hóa Tây Âu. Trong khi đó, hầu hết những gì được coi là xấu xa trong đời sống kinh tế - xã hội phương Tây, thì ở

châu Á này người ta đều có thể tìm thấy, thậm chí ở mức tệ hại, và đáng tiếc là, không ít nét tích cực, văn minh của phương Tây thì châu Á lại vẫn chưa học được.

Chẳng hạn, tham nhũng, ở đâu cũng có, đương nhiên là mức độ có khác nhau. Nhưng ở châu Á, theo Mahathir Mohamad, nguyên Thủ tướng Malaysia, tham nhũng lại đi đôi với “làm ngơ trước tham nhũng” (14). Đó là điều tệ hại đáng sợ, bắt gặp cả ở Trung Quốc, và Singapore, nơi luật pháp được coi là khá mạnh tay với tham nhũng. Cũng là do dựa vào tình trạng này mà cái gọi là chủ nghĩa tư bản thân hữu (Crony Capitalism) có thêm lý do để tồn tại. Còn ở các xã hội có các thiết chế dân sự đủ hiệu lực thì không thể nói xã hội có thể làm ngơ trước tham nhũng; ở đó, vấn đề chỉ là có bằng chứng pháp lý để vạch trần tham nhũng hay không mà thôi.

5. Tại sao văn hóa Á Đông lại dung dưỡng cho những hiện tượng dường như trái với bản chất của nó như vậy? Về điều này, có thể giải thích bằng định kiến đã có từ thế kỷ XIX về châu Á của một số học giả phương Tây, nếu như định kiến này có những điểm hợp lý nào đó: xưa nay văn hóa Á Đông chưa bao giờ là triệt để cả, nó vẫn có tính nhị nguyên (Dualism) và thực dụng (Pragmatism) như thế^(*). Châu Á giàu có về tiềm năng, đa dạng về thể mạnh và cũng đã đi trước nhân loại trong nhiều phát minh, sáng chế,... nhưng đến nay vẫn chưa phục hưng được như khát vọng của người châu Á. Phải chăng tính nhị nguyên và thực dụng của văn hóa

(*) Dualism, Pragmatism không phải theo nguyên nghĩa triết học chặt chẽ của khái niệm, mà là theo tính dung hợp của các hiện tượng trái chiều (Xem: 4).

khu vực này đã cản trở người châu Á đi đến tận cùng quan điểm của mình.

6. Ngày nay, thái độ “nóng vội”, “đốt cháy giai đoạn” ở những nền kinh tế mới nổi liệu có thể là cái gì đó chấp nhận được nếu xem đó chỉ là sự “quá trớn” của giải pháp “đi tắt đón đầu” nhằm khắc phục những sai lầm nhị nguyên và thực dụng xưa cũ, hay thái độ này lại cũng chính là một kiểu thực dụng và nhị nguyên tệ hại nào khác?

Câu hỏi này quả thực là khó. Xin được đặt vấn đề để cùng suy ngẫm và trao đổi.

IV. Bẫy thu nhập trung bình

1. Về mặt lý thuyết, tâm lý khát khao vươn tới thịnh vượng của Việt Nam là có cơ sở và cơ hội hóa rồng, như nhiều dự báo đã đề cập, cho đến nay vẫn còn là cơ hội chưa mất đi tính thực tế của nó, đặc biệt khi Việt Nam đã sớm đạt ngưỡng thu nhập trung bình (2009, trước một năm so với dự kiến) và khả năng điều hành vĩ mô của Việt Nam đã ít nhiều được thử thách trong 20 năm qua, trong đó có hơn một năm khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, cùng với những hệ lụy của nền kinh tế thế giới giảm tăng trưởng, thực tế phát triển đã ngày càng lộ ra những khó khăn, những chướng ngại, những “nút thắt” mà rất có thể vì thế Việt Nam lại không thoát khỏi mô hình phát triển theo kiểu Đông Nam Á, như David Depice cùng các nhà nghiên cứu đại học Harvard đã cảnh báo (Xem: 9). Đó là mô hình bị mắc kẹt trong cái bẫy thu nhập trung bình (GDP từ một đến vài nghìn USD người/năm): *Không còn quá nghèo để phải dồn mọi nguồn lực cho tăng trưởng, nhưng lại chưa đủ giàu về hạ tầng kinh tế - xã hội, về các nguồn lực nội sinh cho “bước nhảy sinh mệnh” của đất nước* (Xem: 23).

2. *Bẫy thu nhập trung bình*, theo Indermit Gill, cố vấn và Homi Kharas, chuyên gia kinh tế trưởng của WB là tình trạng không đáp ứng nổi những đòi hỏi cao và rất cao khi nền kinh tế đã đạt đến mức thu nhập trung bình. Có hai mốc quan trọng: GDP trên 1000 USD người/năm và khoảng 10.000 USD người/năm. Chỉ có nền kinh tế nào vượt qua mốc thứ nhất và sau đó tiếp tục tăng trưởng mạnh để đạt tới mốc thứ hai, rồi vẫn tiếp tục tăng trưởng thì mới trở thành nền kinh tế công nghiệp hóa, nghĩa là hóa rồng (Xem: 7, tr. 84).

Ở bất kỳ giai đoạn nào, nếu muốn nền kinh tế có những thành tựu trong tăng trưởng và phát triển, mỗi nền kinh tế đều cần phải được *quản lý sáng tạo và điều chỉnh không ngừng*. Tuy nhiên, nếu chỉ như thế, nền kinh tế vẫn không vượt qua được bẫy thu nhập trung bình. Những *đòi hỏi cao và rất cao* để vượt qua bẫy này, theo Indermit Gill, Homi Kharas và các chuyên gia WB, gồm:

- *Chuyển từ đa dạng hóa sang chuyên môn hóa*: Khi bắt đầu tăng trưởng, các nền kinh tế đều có xu hướng *đa dạng hóa*. Nhưng xu hướng này đảo ngược thành *chuyên môn hóa* khi nền kinh tế đạt tới một ngưỡng nào đó về hiệu quả tính trên quy mô tương ứng. Ở Singapore, ngưỡng này là 2500 USD người/năm. Một số nước khác từ 5000 - 8000 USD người/năm.

- *Có ý chí và có phương thức đổi mới công nghệ*: Khi các doanh nghiệp trong một nền kinh tế đạt tới “biên giới công nghệ” thì cần phải khuyến khích sự xuất hiện của các *doanh nghiệp mới với công nghệ mới*. Điều này đòi hỏi phải thay đổi từ luật lệ, chính sách đến bản thân doanh nghiệp. Chọn *thời điểm* thực hiện bước chuyển này và xử lý được *sự phản kháng của các nhóm lợi ích* là thách thức lớn đối với các chính phủ.

- *Biết ưu tiên đầu tư cho giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học*: Chuyển ưu tiên từ đầu tư chung cho giáo dục sang đầu tư cho các nghiên cứu khoa học (R&D) khi nền kinh tế đạt tới trình độ nào đó về *chuyên môn hóa*, đòi hỏi phải sản xuất được những *sản phẩm mới* với các *quy trình công nghệ mới*. Thông thường, do không biết chính xác các hoạt động R&D nào cần đầu tư, các chính phủ buộc phải ưu tiên đầu tư cho *giáo dục đại học và sau đại học*.

3. *Bẫy thu nhập trung bình*, theo GS. Kenichi Ohno, Viện Nghiên cứu Chính sách Quốc gia Tokyo, có thể được hình dung giống như “chiếc trần thủy tinh vô hình” (16) ngăn cản sự phát triển kinh tế giữa giai đoạn 2 với giai đoạn 3 trong quá trình 4 giai đoạn của sự tăng trưởng và phát triển như sau:

- *Giai đoạn 1*: Do sự gia tăng FDI ồ ạt, các lĩnh vực của nền kinh tế như thiết kế, công nghệ, sản xuất và marketing đều *được chỉ đạo bởi người nước ngoài*. Ở giai đoạn này, các nguyên liệu và các thành phần quan trọng của sản xuất đều phải nhập khẩu, nguồn lực trong nước chỉ cung cấp *đất công nghiệp và lao động kỹ năng thấp*. Điều đó tạo việc làm cho người nghèo, nhưng giá trị nội tại thấp và *giá trị được tạo ra chủ yếu bởi người nước ngoài*. Việt Nam đang ở giai đoạn này.

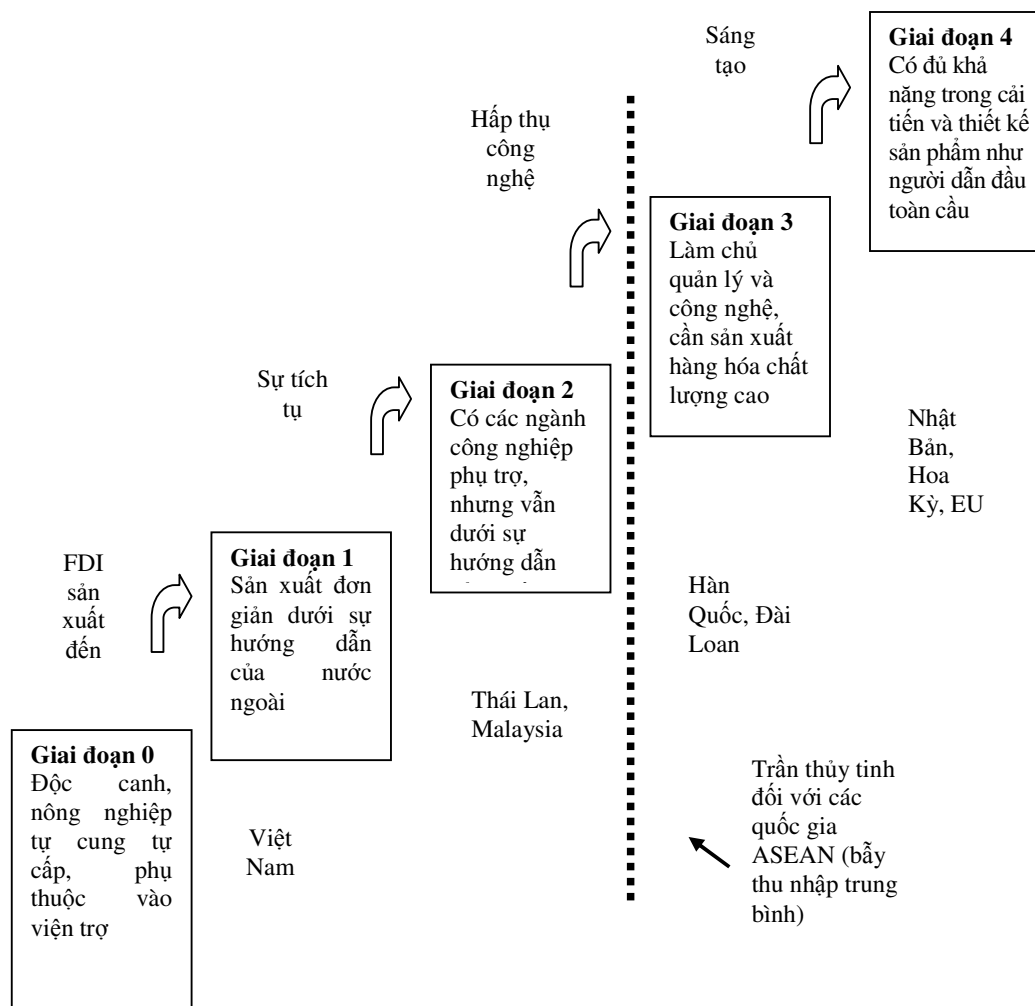
- *Giai đoạn 2*: Khi FDI tích lũy và sản xuất mở rộng, *cung nội địa cho nền kinh tế bắt đầu phát triển*. Ở giai đoạn này, công nghiệp lắp ráp trở nên cạnh tranh và *vòng tuần hoàn giữa nhà lắp ráp và nhà cung cấp được thiết lập*. Nguồn lực trong nước đã tạo ra sự phát triển cho nền công nghiệp. Sáng tạo giá trị nội tại tăng, nhưng sản xuất cơ bản vẫn dưới sự quản lý và hướng dẫn nước ngoài. Thailand và Malaysia đã đạt đến giai đoạn này.

- *Giai đoạn 3*: Nội địa hóa kỹ năng và kiến thức bằng cách phát triển nguồn nhân lực trong nước để thay thế lao động nước ngoài ở mọi khâu của sản xuất bao gồm quản lý, công nghệ, thiết kế, vận hành xí nghiệp, hậu cần, quản lý chất lượng, và marketing là *thách thức tiếp theo của nền kinh tế*. Khi mức độ phụ thuộc nước ngoài giảm, giá trị nội tại tăng đáng kể. Nền kinh tế nổi lên như một nhà xuất khẩu năng động của các sản phẩm chất lượng cao, thách thức những đối thủ cạnh tranh ở trình độ cao hơn và thiết lập lại bức tranh công nghiệp toàn cầu. Hàn Quốc và Đài Loan đang trong giai đoạn này.

- *Giai đoạn 4*: Giai đoạn cuối cùng, nền kinh tế tạo được khả năng tạo ra sản phẩm mới và xu hướng thị trường toàn cầu. Nhật Bản, Mỹ và một số nước EU hiện đang là những nhà sáng tạo công nghiệp.

Chiếc *trần thủy tinh vô hình* giữa giai đoạn 2 và giai đoạn 3 chính là “bẫy thu nhập trung bình”. Vượt qua được sự ngăn cản của chiếc *trần thủy tinh* này, nền kinh tế sẽ chuyển từ giai đoạn phụ thuộc một phần vào ngoại lực sang hoàn toàn dựa vào nội lực. Lúc đó, nguồn nhân lực trong nước đủ trình độ thay thế hoàn toàn lao động nước ngoài, nền kinh tế đủ trình độ là nhà xuất khẩu năng động với các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng và cạnh tranh với nền kinh tế thế giới. Đến thời điểm hiện nay, theo Kenichi Ohno, không có quốc gia nào thuộc ASEAN, kể cả Thailand và Malaysia, vượt qua được chiếc *trần thủy tinh vô hình* này. Đa số các nước Nam Mỹ cũng vẫn đang ở mức thu nhập trung bình, mặc dù ngay từ thế kỷ XIX, các nền kinh tế này đã đạt được mức thu nhập khá cao.

Sơ đồ của Kenichi Ohno về bẫy thu nhập trung bình (16)



4. Như vậy, *bẫy thu nhập trung bình* trong quan niệm của Kenichi Ohno và của Homi Kharas có khác nhau. Tuy nhiên, điểm giống nhau trong hai quan niệm này là yêu cầu cao về *trình độ chuyên môn hóa* nền kinh tế, về *trình độ quản lý vĩ mô*. Thật đáng ngại nếu hình dung nền kinh tế mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình, về đại thể, sẽ là hàng chục năm GDP chỉ ở mức 1000 USD người/năm. Quá nửa dân số sống dưới mức 1 USD/ngày. Nhóm người giàu sẽ tiếp tục giàu thêm, trong khi 70% cư dân còn lại sẽ vĩnh cửu cứ nghèo như

thế và nghèo hơn thế. Bên cạnh những ốc đảo giàu có, những tiểu đô thị sang trọng, là những khu nhà ổ chuột, với cư dân có mật bằng dân trí thấp, môi trường sống ô nhiễm, trật tự xã hội thấp kém và an sinh xã hội không đảm bảo...

5. Điều chúng tôi muốn nói tới ở đây là, trong lịch sử thoát nghèo để trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình, dù đó là một lịch sử hết sức gian nan, và có thể có sự chi phối của những yếu tố ngẫu nhiên hay bất ngờ của hoàn cảnh, nhưng dẫu sao nhiều nước, trong đó có Việt Nam, đã thực hiện được, hay về cơ bản là đã thực hiện được. Tuy vậy,

từ thoát nghèo đến giàu có và thịnh vượng lại là một quá trình phức tạp, khó khăn và khó kiểm soát hơn gấp nhiều lần. Vào những năm 80 (thế kỷ XX), Indonesia đã từng được đánh giá là một con rồng châu Á trong tương lai gần. Malaysia, Philippines, Thailand cũng được đánh giá là những nước có thể có bút phá. Một số nước Trung Đông cũng có tốc độ tăng trưởng tốt trong một thời gian dài. Peru và vài nước Mỹ Latinh khác cũng được kỳ vọng trong những năm 70-80. Nhưng đến nay, các nước này vẫn kẹt lại trong bẫy thu nhập trung bình. Thực tế là nửa thế kỷ qua, trừ Ireland, Singapore và Hongkong, không có nước nào phá được bẫy thu nhập trung bình và đạt tới thành công như Hàn Quốc và Đài Loan^(*).

Kết luận

Dù các học giả Harvard đã khẳng định “hóa rồng” không phải là một quy luật phổ biến. Nhưng điều đó không ngăn cản khát vọng hóa rồng của bất kỳ nước nào, đặc biệt là Việt Nam. Nói cách khác, điều kiện và cơ hội để Việt Nam bút phá khỏi bẫy thu nhập trung bình vươn tới một quốc gia thịnh vượng, dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là cái đang có. Vấn đề chỉ còn là ở chỗ, nói theo cách nói của David Depice và các cộng sự của ông, Việt Nam có “lựa chọn” hay không (Xem: 9). Dĩ nhiên, không nên hiểu *lựa chọn* ở đây như là một giải pháp thuần túy chủ quan, chỉ phụ thuộc vào ý chí của người chọn lựa; mà mọi sự lựa chọn đều có điều kiện ràng buộc tất nhiên của nó, người ta không thể chọn cái mà họ không có khả năng.

(*) Ireland, Singapore và Hongkong là những quốc gia/vùng lãnh thổ quá nhỏ, chỉ như một thành phố của nhiều nước khác nên sự phát triển có thể rất đặc thù, không mang nhiều ý nghĩa để các quốc gia khác tìm kiếm kinh nghiệm

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bush chứng kiến sự “phấn khởi ở Việt Nam”. BBC Vietnamese.com 17/11/2006.
http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2006/11/061117_bus_hvisitsvietnam.shtml
2. Lý Quang Diệu. Cuộc chiến Việt Nam có lợi cho châu Á.
http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/story/2006/10/061013_lee_warcomment.shtml.
3. Kim Định. Việt lý tổ nguyên. Saigon, 1963.
<http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=301&ict=3288>.
4. Ерасов В.С.. Проблемы сомобытности незапатных цивилизаций. *Вопросы философии*, № 6, 1987.
5. Francis Fukuyama. Asian Value and the Asian Crisis. *Commentary*, Feb., 1998.
6. Giáo dục và đào tạo - chìa khóa của sự phát triển. H.: Tài chính, 2008.
7. Indermit Gill, Homi Kharas. Đông Á phục hưng. Ý tưởng phát triển kinh tế. H.: Văn hoá-Thông tin, 2007.
8. Robin Grier. Toothless Tigers? East Asian Economic Growth from 1960 to 1990. *Review of Development Economics*, 7(3), 2003.
9. Harvard University. John F. Kennedy School of Government. Chương trình châu Á. Lựa chọn Thành công: Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam.
<http://www.undp.org.vn/undpLive/System/Publications/Publication-Details?contentId=2648&languageId=4>. 2008
10. Hoàng Ngọc Hiến. Luận bàn về những vấn đề minh triết.
<http://www.viet->

- studies.info/HoangNgocHien_Minh_Triet.htm*
11. Jullien Francois. Minh triết phương Đông và triết học phương Tây. Đà Nẵng: 2004.
 12. Vũ Minh Khương. Nền móng phát triển và mệnh lệnh cải cách. <http://www.tuanvietnam.net/vn/tho-ngthindachieu/3956/index.aspx>. 2008.
 13. Robert B. Marks. Asian Tigers. The International Symposium. Lund University, Sweden, Sep.19-22, 2003.
 14. Mahathir Mohamad. Politics, Democracy and the New Asia. Selected Speeches by Dr. Mahathir Mohamad, Prime Minister of Malaysia. Volume 2. The Asian values debate. Pelanduk Publication (M) Sdn Bhn. Kuala Lumpur. 2000.
 15. Peter Nolan. Trung Quốc trước ngã ba đường. H.: Chính trị quốc gia, 2005.
 16. Kenichi Ohno. Thoát khỏi bẫy “thu nhập trung bình”. Đổi mới việc hoạch định chính sách công nghiệp ở Việt Nam. Tham luận tại Hội thảo khoa học “Tránh bẫy thu nhập trung bình: Cải cách việc hoạch định chính sách công nghiệp ở Việt Nam”. Viện KHXH Việt Nam và UNDP phối hợp tổ chức. Hà Nội, 1/8/2009.
 17. Minxin Pei. Think Again: Asia’s Rise. *Foreign Policy*, June, 22 nd.
 18. Hồ Sĩ Quý. Rừng, hổ châu Á và những bài học về việc sử dụng nhân tố văn hóa và con người. Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 3/2009.
 19. Joseph E. Stiglitz và Shahid Yusuf. Suy ngẫm lại sự thần kỳ Đông Á, World Bank. H.: Chính trị quốc gia, 2001.
 20. Trần Văn Thọ. Phát triển - Kinh nghiệm một số nước Á châu. <http://www.tuanvietnam.net/news/InTin.aspx?alias=nghexemdoc&mgsid=4565>. 2008.
 21. UNDP. Human Development Report 1990. New York Oxford University Press, 1990.
 22. Nguyễn Lưu Viên. Trung Quốc đã thức dậy rồi... thế giới có run sợ chưa. <http://vietnamlibrary.informe.com/trung-qu-c-no-th-c-d-y-r-ei-a-b-s-nguy-an-l-u-vi-dt230.html>
 23. Việt Nam đứng trước bẫy thu nhập trung bình. <http://vnexpress.net/GL/Kinh-doanh/2009/12/3BA164CF>
 24. Max Weber. The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism. Routledge. London & New York, 2002.